

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHÁCH SẠN SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36 /CV-SGH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2024 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

- Mã chứng khoán: SGH
- Địa chỉ: 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 38 299 734
- Email: info@saigonhotel.com.vn Website: www.saigonhotel.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên 2024 đã được soát xét

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét bán niên 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét bán niên 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi của báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/08/2024 tại đường dẫn: <https://saigonhotel.com.vn/shareholder-information>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong 06 tháng đầu năm 2024: Không

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

-Nội dung giao dịch:

-Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

-Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. *nm*

Tài liệu đính kèm:

-BCTC bán niên 2024 đã được soát xét;

-Văn bản giải trình kết quả kinh doanh bán niên 2024.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phan Ngọc Bích

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994 và thay đổi lần thứ 15 vào ngày 29 tháng 08 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính tại số 41 - 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê; Kinh doanh ăn uống và vũ trường; Thu đổi ngoại tệ cho khách; Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế; Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn; Vận chuyển khách du lịch; Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh Karaoke; Dịch vụ xoa bóp, xông hơi; Mua bán rượu; Dịch vụ giặt, ủi, hấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Thanh Bình	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/06/2024
Ông Nguyễn Đường Giang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/06/2024
Ông Phạm Thanh Bình	Thành viên	
Bà Tạ Thị Tuyết Mai	Thành viên	
Ông Trần Tiến	Thành viên	
Bà Phan Ngọc Bích	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Hà Thị Mai Phương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Trần Gia Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2024
Bà Huỳnh Thị Thanh Trúc	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2024

Ban Giám đốc

Bà Phan Ngọc Bích	Giám đốc
-------------------	----------

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Hoàng Thoa.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến thời điểm lập Báo cáo này là Bà Phan Ngọc Bích - Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Ngọc Bích

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số: 87 /2024/UHYHCM-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, trình bày từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 15 “Chi phí phải trả ngắn hạn” - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đang trong thời gian làm thủ tục chuyển đổi sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại đối với khu đất 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, việc chuyển đổi nêu trên vẫn chưa hoàn thành. Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty trích trước tiền thuê đất theo đơn giá thuê đất trả hàng năm căn cứ theo Thông báo về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước số 13176/TB-CT của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh ngày 06/10/2016, tuy nhiên Thông báo trên chỉ áp dụng từ ngày 08/10/2016 đến ngày 07/10/2021. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền chưa có các thông báo khác về đơn giá thuê đất của Công ty áp dụng cho giai đoạn từ ngày 07/10/2021 đến ngày 30/06/2024 và các năm tiếp theo. Do đó, ảnh hưởng (nếu có) của việc thay đổi đơn giá thuê đất phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi kết luận của Kiểm toán viên đã trình bày.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 0294-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.602.866.841	181.320.576.772
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	27.909.441.198	4.093.773.093
Tiền	111		1.909.441.198	4.093.773.093
Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	154.714.160.000	171.714.160.000
Chứng khoán kinh doanh	121		3.714.160.000	3.714.160.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		151.000.000.000	168.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.682.110.063	4.358.102.021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.343.671.796	2.215.481.973
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		186.377.400	63.527.500
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.995.640.867	2.922.672.548
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(843.580.000)	(843.580.000)
Hàng tồn kho	140	9	328.488.894	354.587.158
Hàng tồn kho	141		328.488.894	354.587.158
Tài sản ngắn hạn khác	150		968.666.686	799.954.500
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	271.664.859	102.825.953
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	697.001.827	697.128.547
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.556.178.156	28.791.944.142
Các khoản phải thu dài hạn	210		750.000.000	750.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	927.218.166	927.218.166
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	7	(177.218.166)	(177.218.166)
Tài sản cố định	220		26.030.650.443	27.377.218.560
Tài sản cố định hữu hình	221	11	26.030.650.443	27.377.218.560
- Nguyên giá	222		83.382.137.197	83.382.137.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.351.486.754)	(56.004.918.637)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		376.500.000	376.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(376.500.000)	(376.500.000)
Tài sản dài hạn khác	260		775.527.713	664.725.582
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	775.527.713	664.725.582
TỔNG TÀI SẢN	270		215.159.044.997	210.112.520.914

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		80.324.511.665	20.599.764.540
Nợ ngắn hạn	310		78.552.511.665	18.127.764.540
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	496.965.663	487.722.386
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		378.583.323	219.432.384
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	830.157.424	1.217.261.617
Phải trả người lao động	314		1.943.198.339	2.463.577.505
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	12.939.445.019	11.822.704.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	60.021.105.509	940.810.088
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.943.056.388	976.256.560
Nợ dài hạn	330		1.772.000.000	2.472.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16	1.772.000.000	2.472.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		134.834.533.332	189.512.756.374
Vốn chủ sở hữu	410	17	134.834.533.332	189.512.756.374
Vốn góp của chủ sở hữu	411		123.641.000.000	123.641.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.641.000.000	123.641.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(302.784.117)	(302.784.117)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.303.364.068	3.303.364.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.324.778.426	61.003.001.468
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.843.640	43.582.583.188
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.306.934.786	17.420.418.280
TỔNG NGUỒN VỐN	440		215.159.044.997	210.112.520.914

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Thoa



Phan Ngọc Bích

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	20.875.492.377	20.461.517.681
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.875.492.377	20.461.517.681
Giá vốn hàng bán	11	20	11.677.572.860	10.809.227.105
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.197.919.517	9.652.290.576
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.304.862.672	6.107.646.233
Chi phí tài chính	22		233.965	2.279.465
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	4.543.683.988	3.921.526.991
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.958.864.236	11.836.130.353
Thu nhập khác	31	23	14.225.864	16.915.517
Chi phí khác	32	24	59.275.175	64.071.544
Lợi nhuận khác	40		(45.049.311)	(47.156.027)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.913.814.925	11.788.974.326
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.606.880.139	2.371.462.254
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.306.934.786	9.417.512.072
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	443	670
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	443	670

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Thoa

Giám đốc



Phan Ngọc Bích

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	7.913.814.925	11.788.974.326
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.346.568.117	1.413.923.880
Các khoản dự phòng	03	-	43.562.195
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.912.293)	(383.780)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.298.950.379)	(6.105.741.724)
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.955.520.370	7.140.334.897
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(299.644.337)	755.456.879
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	26.098.264	49.635.010
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	133.433.554	374.198.754
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(279.641.037)	(146.994.146)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.030.482.396)	(2.074.776.683)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(970.242.000)	(539.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.535.042.418	5.558.654.711
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.000.000.000)	(157.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	89.000.000.000	44.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.274.713.394	2.545.352.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	21.274.713.394	(110.454.647.314)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	23.809.755.812	(104.895.992.603)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.093.773.093	112.619.412.764
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.912.293	383.780
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	27.909.441.198	7.723.803.941

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Thoa

Giám đốc



Phan Ngọc Bích

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994 và thay đổi lần thứ 15 vào ngày 29 tháng 08 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.641.000.000 đồng, chia thành 12.364.100 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 41 - 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

Ngày 12/07/2001, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh phòng ngủ và nhà hàng. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là phòng ngủ và nhà hàng. Theo đó, số lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh cũng như các chính sách thu hút khách du lịch của Nhà nước và các chính sách khuyến mãi về giá phòng của Công ty sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 26, 27 và 30.6 của Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh 7.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại số dư cuối kỳ của tài sản tiền tệ có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chứng khoán kinh doanh (tiếp)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Thời gian khấu hao của tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý khách sạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian sử dụng ước tính là 05 năm.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 48 tháng.

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	125.130.500	80.212.000
Tiền gửi ngân hàng	1.730.828.132	3.950.748.045
Tiền đang chuyển	53.482.566	62.813.048
Các khoản tương đương tiền (*)	26.000.000.000	-
Cộng	27.909.441.198	4.093.773.093

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 2% đến 3,5%/năm.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2024			Tại 01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh	3.714.160.000	23.953.347.900	-	3.714.160.000	22.594.292.700	-
<i>Cổ phiếu NH TMCP Phương Đông (1)</i>	<i>3.714.160.000</i>	<i>23.953.347.900</i>	-	<i>3.714.160.000</i>	<i>22.594.292.700</i>	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	151.000.000.000	151.000.000.000	-	168.000.000.000	168.000.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (2)</i>	<i>151.000.000.000</i>	<i>151.000.000.000</i>	-	<i>168.000.000.000</i>	<i>168.000.000.000</i>	-
Cộng	154.714.160.000	174.953.347.900	-	171.714.160.000	190.594.292.700	-

(1) Tại ngày 30/06/2024, Công ty nắm giữ tổng số lượng cổ phiếu là 1.698.819 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 0,0827%. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 28/06/2024 là ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(2) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất 3,4% - 4,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.343.671.796	(843.580.000)	2.215.481.973	(843.580.000)
- Công ty TNHH MTV Đa Niềm Tin	1.640.000.000	(840.000.000)	1.640.000.000	(840.000.000)
- Halliburton International BMBH	179.800.000	-	1.200.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Schlumberger VN	90.747.000	-	50.739.440	-
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	433.124.796	(3.580.000)	523.542.533	(3.580.000)
Phải thu của khách hàng dài hạn	927.218.166	(177.218.166)	927.218.166	(177.218.166)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí MCK (*)	927.218.166	(177.218.166)	927.218.166	(177.218.166)
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	59.050.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigon Tourist	-	-	59.050.000	-

(*) Tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024, số dư nợ phải thu khó đòi Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí Một Con Kiến (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí MCK, sau đây viết tắt là Công ty MCK) liên quan đến tiền thuê mặt bằng là 927.218.166 đồng, đã được trích lập dự phòng là 177.218.166 đồng (số dự phòng được trích lập sau khi đối trừ nợ phải thu gốc với tiền nhận ký quỹ là 750.000.000 đồng). Năm 2015, Công ty đã khởi kiện Công ty MCK liên quan đến tranh chấp thu hồi tiền thuê mặt bằng nêu trên. Tại ngày 01/04/2021, Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh - Cục Thi hành án Dân sự Quận 7 đã ban hành quyết định thi hành án số 1011/QĐ-CCTHADS về việc buộc Công ty MCK thanh toán cho Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn số tiền 1.559.611.543 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty MCK chưa thực hiện hoàn trả số tiền nêu trên cho Công ty. Do không chắc chắn thu được các khoản công nợ này, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh những ảnh hưởng của bản án nêu trên đến số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.995.640.867	-	2.922.672.548	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.901.457.533	-	2.877.220.548	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	39.500.000	-	39.500.000	-
- Tạm ứng	17.500.000	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	37.183.334	-	5.952.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.995.640.867	-	2.922.672.548	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	308.346.894	-	334.445.158	-
Công cụ dụng cụ	20.142.000	-	20.142.000	-
Cộng	328.488.894	-	354.587.158	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Ngắn hạn	271.664.859	102.825.953
- Chi phí công cụ dụng cụ	48.901.855	39.200.340
- Phí bảo trì phần mềm quản lý khách sạn	19.265.584	36.437.414
- Chi phí nghỉ mát	128.184.259	-
- Chi phí chờ phân bổ khác	75.313.161	27.188.199
Dài hạn	775.527.713	664.725.582
- Chi phí công cụ dụng cụ	692.816.050	625.497.519
- Chi phí sửa chữa	-	11.064.390
- Chi phí chờ phân bổ khác	82.711.663	28.163.673
Cộng	1.047.192.572	767.551.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2024	70.790.425.839	11.203.907.549	1.387.803.809	83.382.137.197
Tại 30/06/2024	70.790.425.839	11.203.907.549	1.387.803.809	83.382.137.197
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2024	(44.816.024.980)	(9.842.613.218)	(1.346.280.439)	(56.004.918.637)
- Khấu hao trong kỳ	(891.892.062)	(429.762.057)	(24.913.998)	(1.346.568.117)
Tại 30/06/2024	(45.707.917.042)	(10.272.375.275)	(1.371.194.437)	(57.351.486.754)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2024	25.974.400.859	1.361.294.331	41.523.370	27.377.218.560
Tại 30/06/2024	25.082.508.797	931.532.274	16.609.372	26.030.650.443

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 31.274.438.222 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 31.274.438.222 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý khách sạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian sử dụng ước tính là 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	496.965.663	496.965.663	487.722.386	487.722.386
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Tp.HCM TNHH - Công ty Điện Lực Sài Gòn	99.808.664	99.808.664	108.789.302	108.789.302
- Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Sáng - Sạp 1187 Chợ Bến Thành	14.314.300	14.314.300	16.587.000	16.587.000
- Nguyễn Thị Thu	27.252.000	27.252.000	27.573.500	27.573.500
- Công ty TNHH TM-DV Xây dựng Hưng Phong	17.242.000	17.242.000	17.242.000	17.242.000
- Công ty Cổ phần Giặt ủi Việt	47.848.130	47.848.130	53.423.103	53.423.103
- Phải trả nhà cung cấp khác	290.500.569	290.500.569	264.107.481	264.107.481
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2024		Trong kỳ		Tại 01/01/2024	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	230.247.834	-	1.367.413.828	1.368.890.383	231.724.389	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	529.533.884	-	1.606.880.139	2.030.482.396	953.136.141	-
- Thuế thu nhập cá nhân	63.440.195	-	328.808.151	290.284.935	24.916.979	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	564.000.000	12.291.840	12.165.120	-	564.126.720
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.407.308	-	-	-	3.407.308
- Các loại thuế khác	6.935.511	-	37.487.530	38.036.127	7.484.108	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	129.594.519	3.000.000	3.000.000	-	129.594.519
Cộng	830.157.424	697.001.827	3.355.881.488	3.742.858.961	1.217.261.617	697.128.547

(*) Số thuế phải nộp của Doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	12.939.445.019	11.822.704.000
- Trích trước tiền thuê đất (*)	12.592.704.000	11.752.704.000
- Trích trước tiền trang phục	108.372.500	-
- Trích trước chi phí nghỉ mát	190.368.519	-
- Trích trước chi phí khác	48.000.000	70.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	12.939.445.019	11.822.704.000

(*) Công ty đang trong thời gian làm thủ tục chuyển đổi sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại đối với khu đất 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1. Đến thời điểm phát hành báo cáo này việc chuyển đổi nêu trên vẫn chưa hoàn thành. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty tiếp tục trích trước tiền thuê đất theo đơn giá thuê đất trả hàng năm căn cứ theo Thông báo về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước số 13176/TB-CT của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh ngày 06 tháng 10 năm 2016, tuy nhiên Thông báo trên chỉ áp dụng từ ngày 08/10/2016 đến ngày 07/10/2021. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền chưa có các thông báo khác về đơn giá thuê đất của Công ty áp dụng cho giai đoạn từ ngày 07/10/2021 đến ngày 30/06/2024 và các năm tiếp theo. Do đó, ảnh hưởng (nếu có) của việc thay đổi đơn giá thuê đất phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	60.021.105.509	940.810.088
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	800.000.000	800.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.221.105.509	140.810.088
+ Kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS	279.000.000	84.000.000
+ Cổ tức phải trả	58.874.710.000	21.594.000
+ Phải trả hoa hồng môi giới	21.660.509	15.456.088
+ Phải trả, phải nộp khác	45.735.000	19.760.000
Dài hạn	1.772.000.000	2.472.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	1.772.000.000	2.472.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	61.793.105.509	3.412.810.088

(*) Các khoản ký quỹ cho các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn TNHH MTV	38,86%	48.041.000.000	38,86%	48.041.000.000
Công ty Cổ phần Bông Sen	8,93%	11.040.400.000	8,93%	11.040.400.000
Các cổ đông khác	52,21%	64.559.600.000	52,21%	64.559.600.000
Cộng	100%	123.641.000.000	100%	123.641.000.000

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	123.641.000.000	123.641.000.000
- Số vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Số vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	123.641.000.000	123.641.000.000
Cổ tức đã chia	58.853.116.000	4.945.640.000

17.3 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2024 Cổ phiếu	Tại 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.364.100	12.364.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và góp vốn đầy đủ	12.364.100	12.364.100
+ Cổ phiếu thường	12.364.100	12.364.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.364.100	12.364.100
+ Cổ phiếu thường	12.364.100	12.364.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2023	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	49.636.757.988	178.146.512.894
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	17.420.418.280	17.420.418.280
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
- Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(302.750.000)	(302.750.000)
- Chia cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	-	(4.945.640.000)	(4.945.640.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(5.784.800)	(5.784.800)
Tại 31/12/2023	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	61.003.001.468	189.512.756.374
Tại 01/01/2024	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	61.003.001.468	189.512.756.374
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	6.306.934.786	6.306.934.786
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	-	-	(1.742.041.828)	(1.742.041.828)
- Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(390.000.000)	(390.000.000)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 và các năm trước(*)	-	-	-	-	(58.853.116.000)	(58.853.116.000)
Tại 30/06/2024	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	6.324.778.426	134.834.533.332

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ2024 ngày 26/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	142.341.636	5.645,12	129.230.211	5.373,89

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu	20.875.492.377	20.461.517.681
- Doanh thu phòng nghỉ	13.121.714.362	11.688.573.981
- Doanh thu ăn uống	3.501.051.039	3.492.321.200
- Doanh thu dịch vụ khác	3.358.821.873	4.461.314.672
- Doanh thu phí phục vụ	893.905.103	819.307.828
Doanh thu với các bên liên quan	701.548.590	385.736.364
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	6.712.963	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigon Tourist	642.734.594	377.718.182
- CN Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV - Làng Du lịch Bình Quới	52.101.033	-
- CN Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist tại Quy Nhơn	-	6.018.182
- CN Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist tại Cần Thơ	-	2.000.000

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn phòng nghỉ	7.606.950.549	6.978.343.548
Giá vốn ăn uống	3.633.055.530	3.357.452.495
Giá vốn dịch vụ khác	437.566.781	473.431.062
Cộng	11.677.572.860	10.809.227.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.298.910.379	6.105.741.724
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000	60.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	1.438.702
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại CLTG cuối kỳ	5.912.293	383.780
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	22.027
Cộng	3.304.862.672	6.107.646.233

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.323.685.279	1.899.539.563
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	27.856.601	28.278.378
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.795.000	6.795.000
Thuế, phí và lệ phí	855.291.840	855.418.560
Chi phí dự phòng	-	43.562.195
Phí phục vụ	893.905.103	819.308.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.912.442	128.833.324
Chi phí bằng tiền khác	225.237.723	139.791.760
Cộng	4.543.683.988	3.921.526.991

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Thu nhập từ bồi thường	9.592.583	11.572.741
Thu nhập khác	4.633.281	5.342.776
Cộng	14.225.864	16.915.517

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	-	49.892.181
Chi tài trợ cho mái ấm tình thương	8.439.476	9.735.000
Chi phí khác	50.835.699	4.444.363
Cộng	59.275.175	64.071.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.913.814.925	11.788.974.326
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	120.585.771	68.336.944
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	120.585.771	68.336.944
+ Các khoản chi phí không được trừ	120.585.771	18.444.763
+ Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	-	49.892.181
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	8.034.400.696	11.857.311.270
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.606.880.139	2.371.462.254

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	6.306.934.786	9.417.512.072
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	(195.000.000)	(195.000.000)
- Thù lao HĐQT và BKS (*)	(195.000.000)	(195.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.111.934.786	9.222.512.072
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(630.693.479)	(941.751.207)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.481.241.307	8.280.760.865
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.364.100	12.364.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	443	670

(*) Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ2024 ngày 26/06/2024. Do đó, Công ty đã điều chỉnh số liệu so sánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày lại là 670 đồng/cổ phiếu so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét là 700 đồng/cổ phiếu.

Công ty trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo phương án phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2024 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ2024 ngày 26/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.644.729.194	1.664.271.341
Chi phí nhân công	7.578.630.515	6.605.717.680
Chi phí công cụ dụng cụ	272.203.093	189.180.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.346.568.117	1.364.031.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định chờ thanh lý	-	49.892.181
Thuế, phí và lệ phí	855.291.840	855.418.560
Chi phí dự phòng	-	43.562.195
Phí phục vụ	893.905.103	819.308.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.927.743.509	1.801.668.293
Chi phí bằng tiền khác	1.702.185.477	1.387.596.101
Cộng	16.221.256.848	14.780.646.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Phòng nghỉ VND	Ăn uống VND	Dịch vụ khác VND	Phí phục vụ VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.121.714.362	3.501.051.039	3.358.821.873	893.905.103	20.875.492.377
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.121.714.362	3.501.051.039	3.358.821.873	893.905.103	20.875.492.377
Giá vốn bộ phận	(7.606.950.549)	(3.633.055.530)	(437.566.781)	-	(11.677.572.860)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.514.763.813	(132.004.491)	2.921.255.092	893.905.103	9.197.919.517
Các chi phí khác không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(893.905.103)	(4.543.683.988)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	4.654.235.529
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	3.304.862.672
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(233.965)
Thu nhập khác	-	-	-	-	14.225.864
Chi phí khác	-	-	-	-	(59.275.175)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(1.606.880.139)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	6.306.934.786
Tổng Tài sản					215.159.044.997
Tổng Nợ phải trả					80.324.511.665

T.C.P. * H.N.

M.S.D.N.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Phòng nghỉ VND	Ăn uống VND	Dịch vụ khác VND	Phí phục vụ VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.688.573.981	3.492.321.200	4.461.314.672	819.307.828	20.461.517.681
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.688.573.981	3.492.321.200	4.461.314.672	819.307.828	20.461.517.681
Giá vốn bộ phận	(6.978.343.548)	(3.357.452.495)	(473.431.062)	-	(10.809.227.105)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.710.230.433	134.868.705	3.987.883.610	819.307.828	9.652.290.576
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(819.308.211)	(3.921.526.991)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	5.730.763.585
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	6.107.646.233
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(2.279.465)
Thu nhập khác	-	-	-	-	16.915.517
Chi phí khác	-	-	-	-	(64.071.544)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(2.371.462.254)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	9.417.512.072
Tổng Tài sản					206.408.388.695
Tổng Nợ phải trả					24.893.229.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bông Sen	Cổ đông lớn
CN Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV - Làng Du lịch Bình Quới	Chi nhánh của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
CN Công ty CP Bông sen - Khách sạn Palace Sài Gòn	Chi nhánh của Công ty CP Bông Sen
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigon Tourist	Công ty con của TCT Du lịch Sài Gòn
CN1 - Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	Công ty liên doanh của TCT Du lịch Sài Gòn
CN Công ty TNHH MTV DV Lữ hành Saigontourist tại Quy Nhơn	Chi nhánh của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigon Tourist
CN Công ty TNHH MTV DV Lữ hành Saigontourist tại Cần Thơ	Chi nhánh của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigon Tourist

Số dư với các bên liên quan

	<u>Tại 30/06/2024</u>	<u>Tại 01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng	-	59.050.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigon Tourist	-	59.050.000

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Từ 01/01/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023</u>
	<u>đến 30/06/2024</u>	<u>đến 30/06/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu với bên liên quan	701.548.590	385.736.364
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigon Tourist	642.734.594	377.718.182
- CN Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV - Làng Du lịch Bình Quới	52.101.033	-
- CN Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist tại Quy Nhơn	-	6.018.182
- CN Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist tại Cần Thơ	-	2.000.000
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	6.712.963	-
Mua hàng, dịch vụ từ bên liên quan	141.693.280	110.852.280
- CN1 - Công ty TNHH Truyền Hình cáp Saigontourist	110.852.280	110.852.280
- CN Công ty Cổ phần Bông sen - Khách sạn Palace Sài Gòn	8.381.000	-
- CN Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV - Làng Du lịch Bình Quới	14.760.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigon Tourist	7.700.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc</u>	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
	đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
	VND	VND
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	195.000.000	195.000.000
Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Ông Võ Thanh Bình	850.000	-
- Ông Nguyễn Đường Giang (Đã miễn nhiệm)	29.150.000	30.000.000
Thành viên HĐQT	111.000.000	111.000.000
- Ông Phạm Thanh Bình	24.000.000	24.000.000
- Bà Tạ Thị Tuyết Mai	24.000.000	24.000.000
- Bà Phan Ngọc Bích	24.000.000	24.000.000
- Ông Trần Tiến	39.000.000	39.000.000
Trưởng Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
- Bà Hà Thị Mai Phương	24.000.000	24.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
- Bà Huỳnh Thị Thanh Trúc	15.000.000	-
- Ông Nguyễn Trần Gia Huy	425.000	-
- Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	14.575.000	15.000.000
- Bà Trương Nguyễn Khang Vy (Miễn nhiệm)	-	15.000.000
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	541.615.334	476.250.000
- Bà Phan Ngọc Bích - Giám đốc	541.615.334	476.250.000
Cộng	736.615.334	671.250.000

30.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trụ sở theo hợp đồng số 4789/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 16/08/2012, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/01/1997. Theo Quyết định 6790/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn được phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hằng năm sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại (từ ngày 27/12/2016 đến hết ngày 14/01/2047). Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục để chuyển sang trả tiền thuê đất một lần.

30.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

30.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 26, 27 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Thoa

Giám đốc



Phan Ngọc Bích